

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HS-ST
Ngày: 24-7-2024.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Minh Công.
2. Ông Nguyễn Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 54/2024/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HSST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Ngọc L**, tên gọi khác: không, sinh năm 1979 tại Bình Thuận; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo Bản án phúc thẩm số 161/2010/HSPT ngày 24/9/2010), chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 21/01/2014; Năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số 05/2017/QĐ-TA ngày 04/8/2017), chấp hành xong vào ngày 08/11/2018; Ngày 05/6/2023, bị

Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 66/2023/HSST, chấp hành xong vào ngày 24/12/2023.

Cha: LÊ Ngọc B, sinh năm 1930 (chết); Mẹ: Lê thị T, sinh năm 1952, nghề nghiệp: buôn bán; Nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình;

Vợ: Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1984 (chung sống như vợ chồng, chưa đăng ký kết hôn; Con: có 01 người con, sinh năm 2009; Nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận cho đến nay. Có mặt.

2. Phan Đình K, tên gọi khác: không, sinh năm 1991 tại Bình Thuận; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: thôn X1, xã Y1, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: thiên chúa

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12;

Tiền án: Ngày 25/5/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2016/HSPT. Ngày 25/01/2022 chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: ngày 22/02/2024, bị cáo Phan Đình K bị Công an thành phố I, tỉnh Bình Thuận ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” với số tiền 6.500.000 đồng tại Quyết định số 042222/QĐ-XPHC ngày 22 tháng 02 năm 2024. Bị cáo chưa đóng phạt;

Cha: Phan Văn D1, sinh năm 1962 và Mẹ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1966; Cùng cư trú: thôn X1, xã Y1, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Gia đình bị cáo có 07 chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Cùng trú tại: thôn X1, xã Y1, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Vợ: Dương Thị Cẩm H1, sinh năm 1995, nghề nghiệp: làm nông (đã ly hôn); Con: có 01 người con sinh năm 2013; Cùng trú tại: thôn X1, xã Y1, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Ngày 19/02/2024, bị cáo đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Thuận đầu thú, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận cho đến nay. Có mặt

3. Nguyễn Văn P1, tên gọi khác: Tám, sinh năm 1992 tại Bình Thuận;
Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: tổ 2, thôn R, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 6/12;

Tiền án, tiền sự: Không; Vợ, con: không;

Cha: Nguyễn Văn C, sinh năm 1943 và Mẹ: Nguyễn Thị E, sinh năm 1950; Cùng trú tại: tổ 2, thôn R, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Gia đình bị cáo có 07 chị em, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất là bị cáo.

Vợ: Trần Thị Thanh N1, sinh năm 1991, nghề nghiệp: công nhân; Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015; Cùng trú tại: thôn R, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1984. Địa chỉ: khu phố 1, phường Hưng L3, thành phố I, tỉnh Bình Thuận. vắng mặt

2/ Bà Ngô Thị Thùy D2, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp Bù Đăng, xã Q, huyện W, tỉnh Bình Phước. vắng mặt

-Người làm chứng:

1/ Ông Lò Hoàng L2, sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn R, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. vắng mặt

2/ Bà Dương Thị Cẩm H1, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn X1, xã Y1, huyện H, tỉnh Bình Thuận. vắng mặt

3/ Ông Phạm Hoàng T1, sinh năm 1993. Địa chỉ: số 4/12 Nguyễn Sắc Kim, phường O, thành phố I, tỉnh Bình Thuận. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn P1 và Phan Đình K là bạn bè với nhau. Khoảng tháng 12 năm 2022, L có nói với P1 về việc muốn mua tiền giả về xài thì được P1 cho số điện thoại 0927.199.995 của người bán tiền giả để L liên lạc đặt mua. Nguyễn Ngọc L đã gọi vào số điện thoại 0927.199.995 thì gặp một người đàn ông tự xưng là L3 nói có bán tiền giả và giới thiệu với L về tỷ lệ đổi tiền: đổi 01 thành 02 (tức là 500.000 đồng tiền thật đổi được 1.000.000 đồng

tiền giả); nếu giao dịch trên 10.000.000 đồng sẽ giao nhận tiền giả tại Bình Thuận. L đồng ý và thỏa thuận sử dụng 5.000.000 đồng tiền thật để đổi 10.000.000 đồng tiền giả, L sẽ chuyển khoản cho L3 5.000.000 đồng. Người tên L3 đồng ý và cung cấp cho L số tài khoản 1441005655062 NGO THI THUY D2 (Ngô Thị Thùy D2, sinh ngày 15/8/1997, đăng ký thường trú: tổ 4, ấp Bù Xăng, xã Q, huyện W, tỉnh Bình Phước) để chuyển tiền.

Do không có tiền nên Nguyễn Ngọc L đã nói cho Phan Đình K biết việc L cần tiền để đổi tiền giả và hỏi mượn K số tiền 5.000.000 đồng. K đồng ý thì L nói K chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào số tài khoản 1441005655062 NGO THI THUY D2 do L3 cung cấp. Sau khi nhận tiền thì L3 không ra Bình Thuận giao tiền giả cho L như thỏa thuận. Sợ bị lừa nên L tiếp tục liên lạc với L3 nói sẽ sử dụng 7.000.000 đồng tiền thật để đổi 14.000.000 đồng tiền giả, khi nào L3 giao tiền giả L sẽ thanh toán tiền trực tiếp; L3 đồng ý. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 18 hoặc 19/12/2023 (L không nhớ rõ thời gian), L3 cùng một người phụ nữ đi xe ô tô màu trắng, loại 4 chỗ ngồi (không rõ biển kiểm soát) ra đến Quốc lộ 1, thuộc xã Y, huyện H (theo vị trí mà L gửi cho L3 qua Zalo). L3 gọi điện thoại cho L đến và giao 25.000.000 đồng tiền giả loại tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, (L3 cho L thêm 1.000.000 đồng tiền giả).

Sau khi nhận 25.000.000 đồng tiền giả, L mang về nhà nghỉ Trọng Hoa thuộc thôn Dân Phú, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận cất giấu. Lúc này, K gọi điện thoại nói L trả lại số tiền 5.000.000 đồng, L nói chỉ có tiền giả, nếu K lấy thì L sẽ trả gấp đôi. K đồng ý và đi đến nhà nghỉ Trọng Hoa gặp L. L đưa cho K 11.000.000 đồng tiền giả còn 14.000.000 đồng tiền giả L bỏ trong ví, cất giữ để sử dụng. Sau khi đổi được tiền giả, Nguyễn Ngọc L nhắn tin qua Zalo nói với Nguyễn Văn P1 về việc có tiền giả và hỏi P1 cách sử dụng. P1 hướng dẫn L sử dụng tiền giả để mua trà sữa tại các quán bán trà sữa ở thành phố I và chọn các quán có người nhỏ tuổi đứng bán để dùng tiền giả mua hàng để đổi tiền thật, sẽ không bị phát hiện. Nguyễn Ngọc L sử dụng tiền giả để mua đồ ở các quán, tạp hóa, đồ xăng với giá trị nhỏ để người bán hàng trả lại tiền thừa bằng tiền thật. Cụ thể: sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để mua sữa, thuốc lá tại tạp hóa của ông Lò Hoàng L2 ở thôn X, xã Y, huyện H khoảng hơn 100.000 đồng. Ông L2 đưa lại cho L khoảng hơn 300.000 đồng tiền thật. Khoảng 02 ngày sau khi nhận được tiền giả, L đưa cho vợ là Nguyễn Thị Tuyết P (sinh năm 1984, cư trú khu phố 1, phường Hưng L3, thành phố I, ở trọ tại nhà trọ Thanh Bình thuộc thôn Phú Sơn, xã Y1, huyện H) 1.000.000 đồng, gồm 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để đóng tiền phòng trọ. Ngoài ra, L còn sử dụng tiền giả để đồ xăng, mua vé số dọc đường, mua đồ tiêu xài cá nhân tại I nhưng không nhớ rõ cụ thể địa điểm. Quá trình sử dụng tiền giả thì L bị ông Lò Hoàng L2 phát hiện, ông L2 có đến nhà L để yêu cầu L đổi lại tiền thật. L có đưa lại 500.000 đồng tiền thật cho ông L2 và nói ông L2 tự hủy tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng mà L đưa.

Nguyễn Ngọc L đưa cho Nguyễn Thị Tuyết P (sinh 1984, cư trú khu phố 01, phường Hưng L3, thành phố I thuê trọ tại thôn Phú Sơn, xã Y1, huyện H là người sống chung như vợ chồng với L nhưng chưa đăng ký kết hôn) 1.000.000 đồng, gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng tại nhà nghỉ Trọng Hoa thuộc Km10, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận, P không biết đó là tiền giả. Sau khi nhận tiền, P đến tạp hóa Xuân Lý của bà Hồ Thị Xuân T4, thuộc thôn Dân Phú, xã Y, huyện H sử dụng 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng mà L đưa để mua nhu yếu phẩm (dầu ăn, gia vị...) hết 195.000 đồng, được đưa lại tiền thừa là 305.000 đồng, rồi về phòng trọ tại thôn Phú Sơn, xã Y, huyện H. Sau đó, bà Thanh đến yêu cầu P đổi lại tờ tiền P đã sử dụng để mua hàng hóa do phát hiện tờ tiền là tiền giả. P lấy 305.000 đồng và hàng hóa đã mua đưa lại cho bà Thanh, lấy lại tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đem đốt. Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng do L đưa còn lại, P giữ lại để trả lại cho L nhưng do không gặp được L nên chưa trả được. Đến ngày 24/12/2022, khi Công an mời làm việc thì P giao nộp 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số seri FG 18921063.

Đến ngày 24/12/2022, khi Nguyễn Ngọc L đang ở nhà tại thôn X, xã Y, huyện H thì bị Công an huyện H kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Ngọc L tàng trữ trái phép chất ma túy và 2.500.000 đồng tiền giả. Công an huyện H đã thu giữ của Nguyễn Ngọc L: 05 tờ tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng, trong đó: có 03 tờ tiền giả có cùng số seri: FG 18921063, 01 tờ tiền giả có số seri: BK 20367073, 01 tờ tiền giả có số seri: DT 18423274 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ.

Đối với Phan Đình K, sau khi nhận số tiền giả từ Nguyễn Ngọc L, K mang về nhà ở thôn R, xã Y, huyện H cất giấu. Đến ngày 24/12/2024 nghe tin Nguyễn Ngọc L bị bắt về hành vi “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”, K đã mang số tiền trên ra sau rẫy thanh L3 nhà K đốt tiêu hủy nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Căn cứ lời khai Nguyễn Ngọc L, cùng ngày 24/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ của ông Lò Hoàng L2 01 tờ tiền polyme, mệnh giá 500.000 đồng có số seri: FG18921063; thu giữ của Nguyễn Thị Tuyết P 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng có số seri: FG18921063 và 01 điện thoại di động hiệu SamSung màu xanh.

Ngày 24/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H thu giữ của bà Nguyễn Thị Uyên, sinh 1991, cư trú xã Hàm Cường, huyện H: 02 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng có cùng số seri: HQ18921299.

Ngày 25/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H thu giữ của Nguyễn Văn P1 01 điện thoại di động hiệu SamSung màu xanh.

Kết luận giám định số 1432/KL-KTHS ngày 05/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận xác định 09 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng gửi giám định là tiền giả.

Ngày 16/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận đã chuyển hồ sơ, vật chứng vụ việc “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Thuận để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại thôn X, xã Y, huyện H của Nguyễn Ngọc L vào ngày 24/12/2022, L đã bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 01 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HSST ngày 05/6/2023.

Vật chứng của vụ án: 07 tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số seri: 05 tờ cùng số seri: FG18921063, 01 tờ có số seri: BK20367073, 01 tờ có số seri: DT18423274; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ của Nguyễn Ngọc L; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh của Nguyễn Văn P1. 02 tờ tiền giả có cùng số seri HQ18921299 (thu giữ của bà Nguyễn Thị Uyên), 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh của Nguyễn Thị Tuyết P.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSBT-P1 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Phan Đình K phạm tội “Tàng trữ tiền giả” quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Văn P1 phạm tội “Lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Phan Đình K, Nguyễn Văn P1 như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù.

Tuyên bố: bị cáo Phan Đình K phạm tội “Tàng trữ tiền giả”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phan Đình K từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn P1 phạm tội “Lừa hành tiền giả”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 207; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn P1 từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 07 tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số seri: 05 tờ cùng số seri: FG18921063, 01 tờ có số seri: BK20367073, 01 tờ có số seri: DT18423274.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ của Nguyễn Ngọc L; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh của Nguyễn Văn P1.

Hiện trạng các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 25/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

02 tờ tiền giả có cùng số seri HQ18921299 (thu giữ của bà Nguyễn Thị Uyên), 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh của Nguyễn Thị Tuyết P giao Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Thuận tiếp tục bảo quản, xác minh xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Phan Đình K, Nguyễn Văn P1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1 Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

1.2 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết P, Ngô Thị Thùy D2, người làm chứng Lò Hoàng L2, Dương Thị Cẩm H1, Phạm Hoàng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho

việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Với các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa là phù hợp, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng tháng 12 năm 2022, Nguyễn Ngọc L đã được Nguyễn Văn P1 giới thiệu đối tượng tên L3 để đổi tiền thật lấy tiền giả với tỷ lệ đổi tiền: đổi 01 thành 02 (tức là 500.000 đồng tiền thật đổi được 1.000.000 đồng tiền giả). Do L không có tiền thật để đổi tiền giả nên bị cáo Phan Đình K đã cho L mượn 5.000.000 đồng và chuyển vào khoản do L3 chỉ định để trao đổi tiền giả. Sau đó, Nguyễn Ngọc L tiếp tục dùng 7.000.000 đồng tiền thật để đổi tiền giả và lấy được 25.000.000 đồng tiền giả từ L3. Sau khi nhận được 25.000.000 đồng tiền giả, Nguyễn Ngọc L đã trả cho Phan Đình K 11.000.000 đồng tiền giả tương đương 5.000.000 đồng tiền thật đã mượn, còn lại 14.000.000 đồng tiền giả Nguyễn Ngọc L cất giấu, tiêu xài cá nhân. Nguyễn Ngọc L nói cho Nguyễn Văn P1 biết việc L mua được tiền giả, hỏi P1 cách tiêu thụ tiền giả và được bị cáo Nguyễn Văn P1 hướng dẫn cách sử dụng. Bị cáo Nguyễn Ngọc L đã sử dụng 01 tờ tiền giả mua tại tạp hóa của ông Lò Hoàng L2, đưa cho Nguyễn Thị Tuyết P 02 tờ tiền giả (P đã đốt 01 tờ) và sử dụng tiêu xài cá nhân, đến ngày 24/12/2022 thì bị Công an huyện H phát hiện bắt quả tang Nguyễn Ngọc L đang tàng trữ 2.500.000 đồng tiền giả chưa lưu hành.

Kết luận giám định số 1432/KL-KTHS ngày 05/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận xác định 09 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng gửi giám định là tiền giả.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc L là cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”; Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn P1 giới thiệu cho Nguyễn Ngọc L chỗ để đổi tiền giả, sau đó hướng dẫn cho L cách tiêu thụ tiền giả để không bị phát hiện. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P1 đã đồng phạm với Nguyễn Ngọc L về tội “Lưu hành tiền giả” quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Đình K biết rõ Nguyễn Ngọc L mượn tiền để đổi tiền giả nhưng vẫn đồng ý cho Nguyễn Ngọc L mượn số tiền 5.000.000 đồng và nhận lại từ Nguyễn Ngọc L số tiền 11.000.000 đồng tiền giả đem về cất dấu, sau đó tiêu hủy. Hành vi của Phan Đình K là cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ tiền giả” quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát tỉnh Bình Thuận đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Phan Đình K, Nguyễn Văn P1 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Phan Đình K, Nguyễn Văn P1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền

quản lý, kiểm soát của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính tiền tệ, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện sự xem thường pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc, mới có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Phan Đình K, Nguyễn Văn P1 đều là những người thực hành tích cực. Do đó cần xem xét đến nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt cho từng bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Phan Đình K, Nguyễn Văn P1 thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L có mẹ ruột được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Đình K ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn P1 trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm (có giấy xác nhận); bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Đình K đã bị xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn P1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn P1 không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo Nguyễn Văn P1.

[5] Các vấn đề khác:

Kết quả xác minh xác định được Ngô Thị Thùy D2 sinh ngày 15/8/1997, đăng ký thường trú tại tổ 4, ấp Bù Đăng, xã Q, huyện W, tỉnh Bình Phước là chủ tài khoản số 1441005655062 mà đối tượng tên L3 cung cấp, yêu cầu L chuyển số tiền 5.000.000 đồng để đổi tiền giả. Qua làm việc Ngô Thị Thùy D2 khai nhận: Khoảng tháng 12/2022, Ngô Thị Thùy D2 đang ở cùng Hỷ Thành L3, sinh năm 1996 (chưa rõ nhân thân, lai lịch, sử dụng số điện thoại 0927.199.995) tại nhà trọ ở xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, L3 rủ Ngô Thị Thùy D2 đi giao tiền giả, D2 đồng ý. L3 sử dụng xe ô tô 04 chỗ màu trắng (không rõ biển số) chở D2 đi Bình Thuận. Khoảng 01 giờ sáng thì đến Bình Thuận, L3 cầm bọc nylon màu đen có đựng tiền giả bên trong ra ngoài giao cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) sau đó vào ô tô đưa cho D2 số tiền khoảng 5.000.000 đồng nói D2 kiểm đếm, sau đó L3 rời điều khiển xe ô tô chở D2 quay về Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh đối tượng tên “L3” sử dụng số điện thoại 0927.199.995, tài liệu thu thập thể hiện thông tin đăng ký thuê bao 0927.199.995 là Trương Gia L3, sinh ngày 27/5/1994, cư trú số 63, đường An Dương Vương, phường 13, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thuê bao chính chủ. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại địa chỉ trên thì không có người nào có thông tin như trên, địa chỉ như trên cũng không tồn tại. Xác minh tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính Công an tỉnh Bình Phước đối với Hỷ Thành L3, sinh ngày 27/5/1996, đăng ký thường trú: thôn 1, đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, số định danh cá nhân: 070096005474 (chưa được cấp CCCD), cha: Hỷ Chủ Dầu, mẹ: Hoàn Mỹ Loan. Hiện nay, Hỷ Thành L3 đã đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được, do đó Cơ quan An ninh điều tra sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau đối với hành vi của Ngô Thị Thùy D2 và Hỷ Thành L3 là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị Tuyết P có hành vi nhận, sử dụng số tiền 1.000.000 đồng (gồm 02 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng) của Nguyễn Ngọc L. Xét thấy, khi L đưa tiền giả cho P, L không nói cho P biết đây là tiền giả; khi được bà Hồ Thị Xuân T4 cho biết đây là tiền giả thì P đã đốt 01 tờ tiền giả này, còn lại 01 tờ tiền giả P giữ lại để trả lại cho L, đến khi cơ quan công an làm việc thì P đem giao nộp. Hiện nay Nguyễn Thị Tuyết P đã bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan An ninh điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với ông Lò Hoàng L2 là người bán tạp hóa gần nhà Nguyễn Ngọc L: vào ngày 20/12/2023, L đến tiệm tạp hóa của ông L2 mua nhu yếu phẩm hết 120.000 đồng, L dùng tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để thanh toán; ông L2 đưa lại tiền thừa là 380.000 đồng cho L. Sau đó, ông Luật phát hiện tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng mà L đưa là tiền giả nên đến nhà Nguyễn Ngọc L yêu cầu đổi lại tiền thật, L đưa lại 500.000 đồng tiền thật cho ông L2 và nói ông L2 tự hủy tờ tiền giả. Ông L2 cầm 500.000 đồng tiền thật ra về và đến Công an xã Y trình báo, giao nộp tờ tiền giả 500.000 đồng. Do đó, Cơ quan An ninh điều

tra không xử lý đối với ông Luật là có căn cứ.

[6] Về biện pháp tư pháp:

07 tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số seri: 05 tờ cùng số seri: FG 18921063, 01 tờ có số seri: BK20367073, 01 tờ có số seri: DT 18423274. Xét thấy đây là vật chứng của vụ án, là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ thu giữ của Nguyễn Ngọc L, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn P1. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội do vậy cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Hiện trạng các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 25/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Đối với 02 tờ tiền giả có cùng số seri HQ18921299 (thu giữ của bà Nguyễn Thị Uyên), 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh (thu giữ của Nguyễn Thị Tuyết P) giao Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Thuận tiếp tục bảo quản, xác minh xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Phan Đình K, Nguyễn Văn P1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”, bị cáo Phan Đình K phạm tội “Tàng trữ tiền giả”, bị cáo Nguyễn Văn P1 phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Căn cứ: khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ bắt tạm giam 24/12/2023.

Căn cứ: khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phan Đình K 05 (năm) 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/02/2024.

Căn cứ: khoản 2 Điều 207; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng (trong đó có 03 tờ cùng số seri: FG18921063, 01(một) tờ có số seri: BK20367073, 01 (một) tờ có số seri: DT18423274) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số: 1432/1, có chữ ký của Huỳnh Chí Anh, Nguyễn Xuân Quý và hình dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Thuận; 01 (một) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng có số seri: FG18921063, được niêm phong trong phong bì ký hiệu số: 1432/2, có chữ ký của Huỳnh Chí Anh, Nguyễn Xuân Quý và hình dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Thuận; 01 (một) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng có số seri: FG18921063, được niêm phong trong phong bì ký hiệu số: 1432/3, có chữ ký của Huỳnh Chí Anh, Nguyễn Xuân Quý và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01(một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ (màn hình điện thoại có vết nứt hình chân chim từ giữa đáy màn hình nghiêng về bên phải cạnh màn hình từ ngoài nhìn vào) được niêm phong trong một phong bì dán kín, có chữ ký của Phùng Quốc Duy, Nguyễn Ngọc L, Trịnh Đức Anh và hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Thuận; 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, được niêm phong trong một phong bì dán kín, có chữ ký của Phùng Quốc Duy, Hoàng Hải Châu và hình dấu tròn màu đỏ của của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận.

Hiện trạng các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 25/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

3. Về án phí:

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Phan Đình K, Nguyễn Văn P1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nàng Hương